

30. DANH SÁCH NGƯỜI CÓ UY TÍN TỈNH LÂM ĐỒNG NĂM 2015

**Phụ lục: Danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số
tỉnh Lâm Đồng năm 2015**
(Kèm theo Quyết định số 781 /QĐ-UBND ngày 31 / 3 /2015 của UBND tỉnh)

Stt	Họ tên	Tổng số	Năm sinh		Dân tộc	Nơi cư trú (thôn)
			Nam	Nữ		
I	TP ĐÀ LẠT	6	5	1		
	Phường 7	1				
1	Liêng Hót Lê		1957		Cill	Tổ Măng line
	Xã Tà Nung	5				
1	Liêng Hót Ri			1960	Lạch	Tổ 13 Thôn 1
2	Phan Gia Hoi		1951		Kinh	Tổ 14 Thôn 2
3	Đa Cat K'Bông		1963		Cơho	Tổ 12 Thôn 3
4	Mbon Ha Mười		1966		Cill	Tổ 8 Thôn 5
5	Lý The		1966		Cơho	Tổ 1 Thôn 6
II	TP BẢO LỘC	6	6	0		
	Xã Lộc Châu	1				
1	K' Êm		1962		Mạ	Thôn Đa Nghịch
	Phường B'Lao	2				
1	K'Binh		1947		Mạ	Tổ 16
2	K'Yếp		1961		Cơho	Tổ 28
	Xã Lộc Nga	2				
1	K'Mếu		1944		Cơho	Thôn Nga Sơn
2	K'Gỏi		1954		Cơho	Thôn Nausri
	Phường Lộc Sơn	1				
1	K'Yal		1945		Cơho	Tổ Dân phố 9
III	HUYỆN LẠC DƯƠNG	29	27	2		
	Xã Đa Sar	6	6	0		
1	Kơ Să Ha Tang		1949		Cơho	Thôn 1
2	Kră Jăn Ha Đồi		1947		Cơho	Thôn 2
3	Liêng Jrang Ha Phim		1959		Cơho	Thôn 3
4	Kră Jăn Ha Đồi		1945		Cơho	Thôn 4
5	Kon Sơ Ha Chong		1947		Cơho	Thôn 5
6	Liêng Hót Ha Krong		1944		Cơho	Thôn 6
	Xã Đa Nhim	5	5	0		
1	Kon Sơ Ha Siêng		1963		Cơho	Đạ Cháy
2	Kơ Dơng Ha Drim		1987		Cơho	Đạ Blah

Stt	Họ tên	Tổng số	Năm sinh		Dân tộc	Nơi cư trú (thôn)
			Nam	Nữ		
3	Cil Yu Ha Giăng		1958		Coho	Liêng Bông
4	Cil Phi Crieu Ha Tây		1969		Coho	Đạ Tro
5	Cil Yu Met Tha Ly		1973		Coho	Đạ Ra Hoa
	Xã Đạ Chais	4	2	2		
1	Kơ Să K' Lang			1959	Coho	Đông Mang
2	Kơ Dong Ha Dương		1950		Coho	Tu Póh
3	Cil K' Đóp			1960	Coho	KlongKlanh
4	Bon Tô Xa Nga		1966		Coho	Đưng K' Si
	Xã Đưng K' Nớ	4	4	0		
1	Rơ Ông Ha Bang		1960		Coho	K' Nớ 2
2	Cil Múp Ha Tang		1954		Coho	K' Nớ 2
3	Kơ Tôl Ha Pút		1962		Coho	Lán Tranh
4	Phi Sồn Ha Krênh		1973		Coho	Đưng Trang
	Xã Lát	6	2	0		
1	Kơ Să Joan Blis		1946		Coho	Păng Tiêng
2	Klong Ha Sang		1925		Coho	Đạ Nghit
	Thị trấn Lạc Dương	8	8	0		
1	Kră Jăn Tê		1953		Coho	Bon Đưng I
2	Kră Jăn BLôm		1957		Coho	Bon ĐưngII
3	Dà Gout Chiêng		1959		Coho	Đang Gia
4	Bon Yô Chi		1949		Coho	B'Nơ A
5	Liang Hót Nor		1955		Coho	B'Nơ B
6	Cơ Liêng Ha Yong		1933		Coho	B'Nơ C
7	Liêng Hót Ha Liêng		1951		Coho	Đăng Gia Rít B
8	Đa Gout Mongte		1930		Coho	Đan Kia
IV	HUYỆN ĐƠN DƯƠNG	35	34	1		
	TT Thạnh Mỹ	1	1	0		
1	Rơ Da Thìn		1954		Coho	Mlôn
	Xã Pró	4	4	0		
1	Ha Bang		1956		Cill	Hamanhai I
2	Ya Du		1950		Churu	Pró Ngó
3	Jor L ơng Hinh		1960		Churu	Pr ó Trong
4	Ya Tuôn		1947		Coho	Krănggo
	Xã Đạ Ròn	4	4	0		
1	Ka Úk		1965		Coho	Đạ Ròn

Stt	Họ tên	Tổng số	Năm sinh		Dân tộc	Nơi cư trú (thôn)
			Nam	Nữ		
2	Ha Ai		1965		Tring	Suối Thông A I
3	Liêng Hot Ha Woăn		1952		Cill	Suối Thông A I
4	Ha Miên		1962		Cill	Thôn 2
	Xã Ka Đơn	5	4	1		
1	Ka Tuông		1960		Coho	Ka Đơn
2	Ma Đoàn			1972	Coho	Krái I
3	Ka Grun		1955		Coho	Krái II
4	Ya Píap		1946		Churu	Ka Đê
5	Ka Tư		1965		Coho	Krăngchớ
	TT Dran	2	2	0		
1	Ya Thoang		1962		Coho	Hamasing
2	Ha Chem		1964		Cill	Kalkill
	Xã Lạc Lâm	1	1	0		
1	Ka Thinh		1960		Coho	Mrăng
	Xã Lạc Xuân	6	6	0		
1	Hàn Thiên Linh		1968		Coho	Lạc Bình
2	Ya Thạch		1955		Coho	B'kăn
3	Ya Dững		1981		Coho	Labouye A
4	Ya Toàn		1951		Churu	Diom A
5	Jơ Nưng Sang Sương		1960		Churu	Diom B
6	Ya Kim		1966		Coho	Tân Hiền
	Xã Tu Tra	7	7	0		
1	Ha Nhiêm		1965		Cill	Bockabang
2	Ya Đạt		1952		Churu	R'lom
3	Ya Túk		1967		Churu	Ha Wai
4	Ha Pát		1964		Cill	Thôn Đa Hoa
5	Ya Mơi		1959		Churu	Thôn Kambutte
6	Ya Lang		1973		Churu	Thôn K'Lót
7	Ya Đức		1964		Churu	Ma Đanh
	Xã Ka Đô	5	5	0		
1	Ya Hia		1958		Churu	Ka Đô Mới I
2	Ka Ngeng		1945		Coho	Ka Đô Mới II
3	Ya Hương		1955		Coho	Taly I
4	K'Long Ba		1954		Cill	Taly II
5	Tou Prong Dung		1951		Churu	Ka Đô Cũ

Stt	Họ tên	Tổng số	Năm sinh		Dân tộc	Nơi cư trú (thôn)
			Nam	Nữ		
V	HUYỆN ĐỨC TRỌNG	82	70	12		
	Xã Hiệp An	4	4	0		
1	Dong Gur Ha Chôn		1935		Cill	Thôn Đarahoa
2	K'Rốt		1952		Coho	Thôn K'Long
3	K'Đô		1960		Coho	Thôn K'Rèn
4	Ha Siết		1971		Cill	Thôn Định An
	Xã Liên Hiệp	2	2	0		
1	K'Bréo		1962		Coho	Thôn Gânreo
2	Lầu Vòng Sáng		1972		Hoa	Thôn Tân Hiệp
	Xã N'Thôn hạ	7	7	0		
1	K'Breo		1950		Coho	Thôn Đoàn Kết
2	Sơ Nur Ha Phí		1954		Cill	Thôn Lạch Tông
3	Kơ Să Ha Tương		1952		Cill	Thôn Yang Ly
4	Ka Să Ha Jê		1942		Cill	Thôn Bon Rơm
5	K' Hai		1957		Coho	Thôn Srê Đăng
6	K' Ten		1954		Coho	Thôn Bia Ray
7	Lò Hoàng Tuấn		1967		Thái	Thôn Thái Sơn
	Xã Phú Hội	6	6	0		
1	Ha Doan		1966		Coho	Thôn K'Nai
2	Yơ Nơng Sang Tam		1956		Coho	Thôn Chi rông
3	Ya Bin		1956		Churu	Thôn P'rê
4	Ha Sương		1950		Cill	Thôn R'Chai 1
5	Ka Să Ha Nhiều		1949		Cill	Thôn R'Chai 2
6	K'Long		1938		Coho	Phú An
	Xã Tân Hội	2	2	0		
1	K' Mờ		1959		Coho	Thôn Tân Hiệp
2	Hoàng Văn Nam		1959		Thái	Thôn Tân Lập
	Xã Ninh Gia	3	3	0		
1	K' Biêng		1955		Cill	Thôn Đăng Srôn
2	K' Húi		1941		Coho	Thôn Ninh Thiện
3	Lương Văn Lễ		1979		Nùng	Thôn Hiệp Hòa
	Xã Tà Hine	5	4	1		
1	Ma Hók			1956	Churu	Thôn Tà Hine
2	Ya Liêng		1960		Churu	Thôn B'Liàng
3	Ya Trang		1958		Churu	Thôn Phú Ao

Stt	Họ tên	Tổng số	Năm sinh		Dân tộc	Nơi cư trú (thôn)
			Nam	Nữ		
4	Ya Phin		1961		Churu	Thôn Phú Cao
5	Ya Đình		1943		Churu	Thôn Tơ Kriang
	Xã Đà Loan	3	3	0		
1	Ya Tiếng		1958		Churu	Thôn Sóp
2	Ya Phú		1931		Churu	Thôn Ma Am
3	Je Kơ Na		1959		Cill	Thôn Đà R'Giềng
	Xã Tân Thành	5	3	2		
1	Lộc Thị Diệp			1954	Thái	Thôn Tân Bình
2	Hà Văn Bảo		1946		Tày	Thôn Tân Nghĩa
3	Quang Thị Xuyên			1963	Thái	Thôn Tân Hưng
4	Vy Văn Sinh		1963		Tày	Thôn Tân Liên
5	Nông Văn Óng		1957		Nùng	Thôn Tân Thịnh
	Xã Tà Năng	9	8	1		
1	K' Pher		1971		Cơho	Thôn Tà Nhiên
2	Ya Đa		1959		Churu	Thôn Ma sra
3	Lý Thị Niệm			1955	Nùng	Thôn Tà Sơn
4	K' Luân		1947		Churu	Thôn Cha rang hao
5	Ya Nho		1960		Churu	Thôn Klong Bong
6	Ma Khang		1962		Churu	Thôn Chiêu Krom
7	Ya Tao		1959		Churu	Thôn Khăm Prong
8	Ya Brai		1927		Churu	Thôn Tou neh
9	Lưu Văn Chiến		1972		Tày	Thôn B'Lá
	TT. Liên Nghĩa	26	21	5		
1	Cà Thành Trung		1957		Thái	Tổ 27
2	Chu Văn Phủ		1948		Nùng	Tổ 32
3	Chung Văn Bình		1952		Hoa	Tổ 32
4	Hoàng Văn Chiêu		1959		Nùng	Tổ 33
5	Lộc Văn Vương		1958		Nùng	Tổ 35
6	Lý Thị Bông			1956	Nùng	Tổ 36
7	Nông Văn Hòa		1962		Tày	Tổ 37
8	Dương Văn Trung		1958		Nùng	Tổ 38
9	Mào Văn Ngoan		1945		Thái	Tổ 39
10	Vy Văn Anh		1951		Nùng	Tổ 40
11	Bạc Nguyệt Hải			1953	Thái	Tổ 41
12	Lục Văn Tâm		1972		Nùng	Tổ 42

Stt	Họ tên	Tổng số	Năm sinh		Dân tộc	Nơi cư trú (thôn)
			Nam	Nữ		
13	Hoàng Văn Tiến		1970		Tày	Tổ 43
14	Vy Nhật Phong		1953		Nùng	Tổ 44
15	Đieu Thị Nội			1953	Thái	Tổ 45
16	Mã Văn Khê		1951		Tày	Tổ 47
17	Hoàng Minh Tam		1957		Tày	Tổ 49
18	Chu Thị Hải			1968	Nùng	Tổ 50
19	Chu Minh Lợi		1964		Tày	Tổ 51
20	Vy Văn Hải		1964		Nùng	Tổ 52
21	Hoàng Văn Rường		1945		Tày	Tổ 53
22	Lăng Thị Trâm			1973	Tày	Tổ 54
23	La Văn Bảo		1954		Tày	Tổ 55
24	Trần Trung Nam		1963		Hoa	Tổ 57
25	Hoàng Viết Trường		1958		Nùng	Tổ 58
26	K' Linh		1959		Cơho	Tổ 61
	Xã Hiệp Thạnh	2	1	1		
1	K' Liêng			1984	Cơho	Thôn Phi Nôm
2	M' Bon Ha Thanh		1952		Cill	Thôn Bồng Lai
	Xã Đạ Quyn	8	6	2		
1	Ya Thao		1964		Churu	Thôn Ma Bó
2	Ya Niên		1983		Churu	Thôn K 67
3	Ma Đình			1942	Churu	Thôn Makir
4	Y Păm A Yun		1973		Ê Đê	Thôn Chơ Rung
5	Vũ Văn Kiến		1956		Kinh	Thôn Toa Cát
6	Cil Yũ Ha Choang		1966		Cill	Thôn Chơ Ré
7	Nguyễn Hà Thế		1954		Kinh	Thôn Tân Hạ
8	Bon Dong K' Thơm			1982	Cill	Thôn Tơ Mrang
VI	HUYỆN DI LINH	76	76	0		
	Xã Tam Bó	2	2	0		
1	K' Jẻoh		1931		Cơho	Thôn 4
2	Ya Sang		1948		Rơglai	Thôn 5
	Xã Gia Hiệp	4	4	0		
1	K' Brêu		1930		Cơho	Thôn 1
2	K' Jụ		1944		Cơho	Thôn 2
3	K' Tiéo		1957		Cơho	Thôn 3
4	K' Giỏi		1955		Cơho	Thôn 7

Stt	Họ tên	Tổng số	Năm sinh		Dân tộc	Nơi cư trú (thôn)
			Nam	Nữ		
	Xã Đinh Lạc	2	2	0		
1	K' Tiểu		1952		Coho	Thôn Bui
2	K' Dêu		1940		Coho	Thôn Kao Kuit
	Xã Tân Nghĩa	3	3	0		
1	K' Giúh		1952		Coho	Thôn Đồng Đồ
2	K' Sang		1940		Coho	Thôn Gia Bắc 1
3	K' Niéuh		1950		Coho	Thôn K' Bạ
	Xã Tân Châu	5	5	0		
1	K' Lều		1946		Coho	Thôn 1
2	K' Bía		1942		Coho	Thôn 2
3	K' Bột		1943		Coho	Thôn 3
4	Pou Yòng Yẻo		1940		Coho	Thôn 4
5	K' Tẻuh		1943		Coho	Thôn 6
	Xã Tân Thượng	4	4	0		
1	K' Bảy		1944		Coho	Thôn 1
2	K' Bới		1959		Coho	Thôn 2
3	K' Đẻm		1967		Coho	Thôn 3
4	K' Breoh		1968		Coho	Thôn 4
	Xã Tân Lâm	3	3	0		
1	K' Brẻh		1940		Coho	Thôn 5
2	K' Brẻp		1952		Coho	Thôn 6
3	Hoàng Công Chấn		1972		Mường	Thôn 7
	Xã Đinh Trang Thượng	5	5	0	Mạ	
1	K' Krong		1946		Mạ	Thôn 1
2	K' Mang		1952		Mạ	Thôn 2
3	K' Mỉl		1952		Mạ	Thôn 3
4	K' Tẻi		1943		Mạ	Thôn 4
5	K' Chẻng		1943			Thôn 5
	Xã Bảo Thuận	11	11	0		
1	K' Brim		1944		Coho	Thôn Krẻt dẻng
2	K' Beo		1945		Coho	Thôn Trẻi Phong
3	K' Bẻoh		1950		Coho	Thôn Kala Tô Krẻng
4	K' Đẻng		1937		Coho	Thôn Bẻ Sẻt
5	N' Rẻng		1938		Coho	Thôn Bẻo Tuẻn
6	K' Brẻs		1960		Coho	Thôn Kala Tẻnggu

Stt	Họ tên	Tổng số	Năm sinh		Dân tộc	Nơi cư trú (thôn)
			Nam	Nữ		
7	K' Bróih		1973		Cơho	Thôn Krọt Sók
8	K' Brèoh		1960		Cơho	Thôn Hàng Pior
9	K' Mết		1958		Cơho	Thôn Kơ Nết
10	K' Breo		1953		Cơho	Thôn Hàng ùng
11	K' Mang		1942		Cơho	Thôn Ta Ly
	Xã Gung Ré	3	3	0	Cơho	
1	K' Khéo		1951		Cơho	Thôn Hàng Làng
2	K' Miếu		1955		Cơho	Thôn Lăng Kú
3	K' Bês		1930		Cơho	Thôn Klong Trao 1
	Thị trấn Di Linh	3	3	0		
1	K' Broh		1948		Cơho	Tổ dân phố Ka Míng
2	Kon Yai Treng Tài		1956		Cơho	TDP Di Linh Thượng 1
3	MoOc Brăh		1955		Cơho	TDP Di Linh Thượng 2
	Xã Sơn Điền	7	7	0		
1	K' Bìl		1953		Nộp	Thôn Lang Bang
2	K' Gió		1953		Nộp	Thôn Hà Giang
3	K' Yẹp		1936		Nộp	Thôn Ka Liêng
4	K' Vui		1955		Nộp	Thôn Bờ Nôm
5	K' Mợ		1952		Nộp	Thôn Bó Cao
6	K' Viu		1955		Nộp	Thôn Đang Gia
7	K' Đìa		1950		Nộp	Thôn Con Sỏ
	Xã Gia Bắc	5	5	0		
1	K' Têh		1940		Nộp	Thôn Nao Sẻ
2	K' Mèo		1943		Nộp	Thôn Bộ Bê
3	K' Nhiêu		1936		Nộp	Thôn Ka Sả
4	K' Tẻ		1950		Nộp	Thôn Đà Hiông
5	K' Phê		1950		Nộp	Thôn Hà Giang
	Xã Liên Đàm	5	5	0		
1	K' Tạo		1957		Cơho	Thôn 1
2	K' Sếp		1958		Cơho	Thôn 2
3	K' Brem		1952		Cơho	Thôn 3
4	K' Beo		1948		Cơho	Thôn 4
5	K' Péo		1956		Cơho	Thôn 5
	Xã Đình Trang Hòa	10	10	0		

Stt	Họ tên	Tổng số	Năm sinh		Dân tộc	Nơi cư trú (thôn)
			Nam	Nữ		
1	K' Bung		1948		Coho	Thôn 1 a
2	K' Bơuh		1950		Coho	Thôn 1 b
3	K' Brem		1946		Coho	Thôn 2 a
4	K' Wái		1944		Coho	Thôn 2 b
5	K' Ngèng		1946		Coho	Thôn 3
6	K' Nah		1957		Coho	Thôn 4
7	K' Beoh		1957		Coho	Thôn 5 a
8	K' Đoih		1956		Coho	Thôn 5 b
9	K' Rèo		1959		Coho	Thôn 6
10	K' Lêr		1948		Coho	Thôn 10
	Xã Hòa Bắc	3	3	0		
1	K' Yêu		1934		Coho	Thôn 13
2	K' Bô		1954		Coho	Thôn 14
3	K' Gào		1931		Coho	Thôn 15
	Xã Hòa Nam	1	1	0		
1	Đình Công Tích		1941		Mường	Thôn 10
VII	HUYỆN LÂM HÀ	57	55	2		
	Xã Phú Sơn	1	1	0		
1	K' Bông		1947		Coho	Thôn Pretieng 2
	Xã Phúc Thọ	4	4	0		4 người
1	Long Đình Ha Sắc		1956		Cill	Thôn Lâm Bô
2	Phùng Văn Thắng		1971		Nùng	Thôn Phúc Hòa
3	Nông Thị Thời		1987		Nùng	Thôn Phúc Cát
4	Long Đình Ha Vương		1974		Cill	Thôn Dạ Pe
	Xã Đan Phượng	1	1	0		
1	K' Chen		1966		Coho	Thôn Tân Lập
	TT Đình Văn	12	11	1		
1	K' Hiếu			1959	Coho	TDP Xoan
2	K' Mor		1940		Coho	TDP Hòa Bình
3	Ha Krang		1944		Cill	TDP Dạ Rơ Măng
4	Lơ Mu Ha Dôn		1945		Cill	TDP Păng Bung
5	Bồ Liêng Điều		1957		Coho	TDP Bồ Liêng II
6	K' Sọ		1950		Coho	TDP Srê Nhắc
7	Ha Krung		1960		Cill	TDP Kô Ya
8	K' Branch		1942		Coho	TDP Kon Tách Đăng

Stt	Họ tên	Tổng số	Năm sinh		Dân tộc	Nơi cư trú (thôn)
			Nam	Nữ		
9	Ha Chong		1948		Cill	TDP Pót Pe
10	K' Eo		1964		Coho	TDP Ry Ông Se
11	K' Yai		1947		Coho	Bồ Liêng I
12	K' Sèm		1960		Coho	Đa Huynh
	Xã Mê Linh	4	4	0		4 người
1	K' Sôl		1962		Coho	Thôn Thực Nghiệm
2	Cil Ha Song		1942		Coho	Thôn Buôn Chuối
3	Kră Jăn Ha Nhố		1953		Cill	Thôn Hang Hót
4	Mơ Bon Ha Jum		1940		Cill	Thôn Cổng Trời
	Xã Phi Tô	6	6	0		6 người
1	Lò Văn Dương		1955		Thái	Phú Hòa
2	Nhan Văn Tiến		1956		Nùng	Quảng Bằng
3	Lò Văn Bình		1956		Thái	Liên Hòa
4	Trần Văn Ninh		1953		Kinh	Lâm Nghĩa
5	K' Biều		1965		Coho	Ry Ông Tô
6	K' Briều		1959		Coho	Phi Sour
	Xã Tân Văn	5	5	0		5 người
1	Lăng Văn Pào		1959		Nùng	Tân Lợi
2	Lý Văn Quý		1958		Tày	Tân Thuận
3	Nông Văn Thanh		1963		Nùng	Văn Minh
4	Lý Ngọc Vũ		1964		Thái	Tân Đức
5	Ya Thanh		1940		Churu	Tân Lin
	Xã Liên Hà	5	5	0		5 người
1	Ha Brung		1947		Cill	Đạ Dâng
2	Ha Chong		1945		Cill	Đạ Sa
3	Sầm Dĩnh Nhúc		1944		Tày	Chiến Thắng
4	Nguyễn Đức Nhuận		1979		Tày	Hà Lâm
5	Hoàng Văn Sanh		1961		Tày	Sinh Công
	Xã Đạ Đờn	6	6	0		6 người
1	Kră Jăn Nhang		1959		Cill	Đam Pao
2	Long Dĩnh Ha Nhui		1958		Cill	Đạ Nung B
3	K' Jong		1956		Mạ	Đạ Nung A
4	K' Niêng		1913		Mạ	Đạ Rkôh
5	Lơ Mu Ha Tư		1958		Cill	Đạ Ti
6	K' Tư		1950		Coho	RLom

Stt	Họ tên	Tổng số	Năm sinh		Dân tộc	Nơi cư trú (thôn)
			Nam	Nữ		
	Xã Tân Thanh	11	10	1		11 người
1	Nguyễn Văn Tam		1959		Kinh	Tân An
2	Phạm Khắc Vĩnh		1949		Kinh	Đoàn Kết
3	K' Piêr		1930		Coho	Phi Tô
4	Lê Văn Phán		1950		Kinh	Hòa Bình
5	K' Tàng		1954		Coho	Kon Pang
6	Đàm Đức Thanh		1960		Tày	Tân Bình
7	Nguyễn Thị Hiền			1952	Kinh	Đông Thanh
8	Lương Xuân Đồng		1943		Tày	Bằng Sơn
9	Nguyễn Văn Ngọc		1948		Kinh	Thanh Bình
10	Ha Song		1932		Cill	Tân Hợp
11	Nguyễn Văn Hà		1953		Kinh	Thanh Hà
	Xã Tân Hà	2	2	0		2 người
1	Lô Viết Vạn		1966		Tày	Thôn Phúc Tân
2	Phan Cao Thắng		1961		Nùng	Thôn Phúc Hưng
VIII	HUYỆN BẢO LÂM	54	49	5		
	Xã Lộc An	2	2	0		
1	K' Séo		1935		Coho	Thôn B'Đor
2	K' Béo		1967		Coho	Thôn B'Cọ
	Xã Lộc Thành	4	4	0		
1	K' Quýnh		1953		Coho	Thôn 3
2	K' Ghíp		1955		Coho	Thôn 10C
3	K' Dòng		1958		Coho	Thôn 15
4	K' Toih		1960		Coho	Thôn 16
	Xã B' Lá	5	4	1		
1	Ka Soi			1970	Mạ	Thôn 1
2	Lương Văn Núng		1952		Nùng	Thôn 2
3	Nông Văn Hinh		1960		Nùng	Thôn 3
4	K'BRét		1955		Mạ	Thôn 4
5	Lục Văn Di		1955		Nùng	Thôn 5
	Xã Lộc Đức	1	1	0		
1	Trương Công Thường		1974		Mường	Đông La 2
	TT Lộc Thắng	15	13	2		
1	K'Breo		1953		Mạ	Tổ 3
2	K' Chim		1954		Mạ	Tổ 4

Stt	Họ tên	Tổng số	Năm sinh		Dân tộc	Nơi cư trú (thôn)
			Nam	Nữ		
3	Ka Réo			1931	Mạ	Tổ 6
4	Mông Văn Công		1967		Nùng	Tổ 24
5	KBos		1946		Mạ	Tổ 10
6	Hoàng Sỹ Ngày		1949		Tày	Tổ 12
7	Ka Dêk			1960	Mạ	Tổ 13
8	K' Tiểu A		1952		Mạ	Tổ 14
9	K' Mết		1953		Mạ	Tổ 15
10	K' Gèo		1958		Mạ	Tổ 16
11	K' Jui		1954		Mạ	Tổ 17
12	Nông Phúc Tương		1952		Tày	Tổ 7
13	K' Ber		1955		Mạ	Tổ 19
14	Lâm Văn Phóng		1962		Nùng	Tổ 20
15	K'Bês		1977		Mạ	Tổ 184
	Xã Lộc Bảo	3	3	0		
1	K'Quế		1949		Mạ	Thôn 1
2	K'Lọ		1940		Mạ	Thôn 2
3	K'Đời		1945		Mạ	Thôn 3
	Xã Lộc Phú	5	4	1		
1	Ka Drim			1958	Mạ	Thôn 1
2	K'Hôi		1961		Mạ	Thôn 3
3	K'Minh(B)		1968		Mạ	Thôn 4
4	K'Lơi		1954		Mạ	Thôn 5
5	K'Độ		1945		Mạ	Thôn 6
	Xã Lộc Bắc	4				
1	K'Ky		1944		Mạ	Thôn 1
2	K'Seng		1978		Mạ	Thôn 2
3	K'Pát		1972		Mạ	Thôn 3
4	K'Làng		1953		Mạ	Thôn 4
	Xã Lộc Nam	5	5	0		
1	K'Rim		1950		Coho	Thôn 1
2	K'Breo		1950		Coho	Thôn 2
3	K'Nô		1930		Coho	Thôn 3
4	K'Deo		1953		Coho	Thôn 4
5	K'Vinh		1955		Coho	Thôn 5
	Xã Lộc Lâm	3	3	0		

Stt	Họ tên	Tổng số	Năm sinh		Dân tộc	Nơi cư trú (thôn)
			Nam	Nữ		
1	K'Sranh		1955		Mạ	Thôn 1
2	K'Hầu		1939		Mạ	Thôn 2
3	K'Jờnh		1947		Mạ	Thôn 3
	Xã Lộc Tân	4	4	0		
1	K'Kờr		1947		Mạ	Thôn 1
2	K'Briu		1942		Mạ	Thôn 2
3	K'Nhel		1943		Mạ	Thôn 3
4	K'Vòng		1935		Mạ	Thôn 6
	Xã Lộc Ngãi	3	3	0		
1	K'Bệu		1944		Mạ	Thôn 4
2	Đàm Văn Minh		1960		Nùng	Thôn 7
3	Đàm Hoàng Tùng		1952		Nùng	Thôn 12
IX	HUYỆN ĐẠ HUOAI	24	24	0		
	Xã Đoàn kết	4				
1	Cao Viết Xuân		1960		Kinh	Thôn 1
2	Đặng Thành Hiệp		1956		Kinh	Thôn 2
3	Đinh Xuân Chát		1948		Kinh	Thôn 3
4	K'Xuân Ri		1952		Cơho	Thôn 4
	Xã Đạ P'loa	5	5	0		
1	Đoàn Văn Doanh		1975		Kinh	Thôn 1
2	Phạm Văn Thân		1956		Nguồn	Thôn 2
3	K'Chiêu		1970		Cơho	Thôn 3
4	K'Plăm		1978		Cơho	Thôn 4
5	K'Brim		1970		Cơho	Thôn 5
	Xã Phước Lộc	6	6	0		
1	K'Dé (Dế)		1939		Mạ	Thôn Phước Lạc
2	K'Dề		1958		Mạ	Thôn Phước Hồng
3	K'Lé		1945		Mạ	Thôn Phước Trung
4	K'Dui		1931		Mạ	Thôn Phước Dũng
5	K'Tinh		1971		Mạ	Thôn Phước Bình
6	K'Nam		1966		Mạ	Thôn Phước An
	TT Đạ M'Ri	1	1	0		
1	K'Bói		1950		Mạ	Tổ dân phố 8
	Xã Đạ M'Ri	1	1	0		
1	K'Dôi		1982		Mạ	Thôn 1

Stt	Họ tên	Tổng số	Năm sinh		Dân tộc	Nơi cư trú (thôn)
			Nam	Nữ		
	Xã Hà Lâm	1	1	0		
1	Triệu Phi Hiền		1944		Nùng	Thôn 1
7	TT Mađaguôi	2	2	0		
1	K'Điệp		1964		Mạ	Buôn B'Kẻ-TDP1
2	K'Lợi		1982		Mạ	Buôn B'Lú-TDP5
	Xã Mađaguôi	2	2	0		
1	K'Bêng		1934		Mạ	Thôn 5
2	Thạch Boòng (Bồn)		1955		Khơ me	Thôn 8
	Xã Đạ Oai	2	2	0		
4	K'Nhàng		1944		Mạ	Thôn 1
5	K'Nhéo		1964		Cơho	Thôn 2
X	HUYỆN ĐẠ TÊH	38	36	2		
	Xã Mỹ Đức	1	1	0		
1	K' Tỏi (B)		1932		Mạ	Thôn 8
	Xã Đạ Lây	1	1	0		
1	Nông Văn Chín		1976		Nùng	T. Lộc Hòa
	Xã Quốc Oai	4	4	0		
1	Hoàng Văn Nhâm		1959		Tày	Thôn 1
2	Hoàng Ngọc Xuân		1949		Tày	Thôn 3
3	Hoàng Kim Trọng		1958		Tày	Thôn 4
4	K' Tiêu		1931		Mạ	T. Đạ Nhar
	Xã An Nhơn	11	10	1		
1	Hoàng Văn Sứ		1975		Tày	Thôn 1
2	Hoàng Văn Hùng		1961		Nùng	Thôn 2
3	Ma Ngọc Phú		1956		Nùng	Thôn 3
4	Hoàng Văn Kiện		1959		Tày	Thôn 4a
5	Trịnh Xuân Đình		1954		Nùng	Thôn 4b
6	Hoàng Văn Tàu		1959		Tày	Thôn 5a
7	Đàm Vĩnh Mao		1962		Nùng	Thôn 5b
8	Nông Trường Sinh		1959		Nùng	Thôn 6
9	Nông Văn Đức		1971		Nùng	Thôn 7
10	Hoàng Thị Nhâm			1975	Nùng	Thôn 8
11	K'Đô		1976		Mạ	T. Tổ Lan
	Xã Đạ Kho	2	2	0		
1	La Văn Chân		1957		Tày	Thôn 3

Stt	Họ tên	Tổng số	Năm sinh		Dân tộc	Nơi cư trú (thôn)
			Nam	Nữ		
2	Nông Hồng Tuấn		1962		Tày	Thôn 4
	TT Đạ Tẻh	15	14	0		
1	K' K Rảnh		1962		Mạ	KP 1b
2	K' Muối		1948		Mạ	KP 1c
3	Vũ Văn Tiến		1947		Kinh	KP 2c
4	Phan Văn Cầu		1946		Kinh	KP 3a
5	Hoàng Văn Tiếp		1970		Tày	KP 3b
6	Ma Ngọc Nghiễn		1962		Tày	KP 3c
7	Vì Thành Trung		1957		Tày	KP 4b
8	Tô Quang Vinh		1973		Nùng	KP 4c
9	Phan Văn Khinh		1944		Tày	KP 6b
10	Lộc Văn Thư		1973		Nùng	KP 7
11	Trương Văn Cường		1971		Nùng	KP 8a
12	Nông Sơn Sắt		1954		Dao	KP 8b
13	Nông Thị Mới			1968	Tày	KP 9
14	Nông Hữu Nhèo		1945		Tày	KP 10
15	Hoàng Văn Hôn		1973		Tày	Thôn Tân Lập
	Xã Hương Lâm	2	2	0		
1	Bế Văn Hiệp		1991		Tày	Hương Sơn
2	Nguyễn Văn Đới		1957		Tày	Hương Thanh
	Xã Đạ Pal	2	2	0		
1	K' Mới		1932		Mạ	Tôn KLong A
2	K' Plách		1923		Mạ	Tôn KLong B
XI	HUYỆN CÁT TIÊN	21	20	1		
	Xã Tiên Hoàng	1	1	0		
1	Điểu K Linh		1941		Mạ	Thôn 6
	Xã Phước Cát 1	4	3	1		
1	Điểu K Mốt		1975		Stiêng	Thôn Cát Lương 1
2	Lương Thị Yên			1967	Nùng	Thôn Cát Điền
3	Phan Sỹ Lực		1942		Tày	Thôn Cát Hòa
4	Sái Minh Coóng		1943		Tày	Thôn Cát Lợi
	Xã Phước Cát 2	5	5	0		
1	Nông Văn Cẩm		1952		Nùng	Thôn Phước Trung
2	Điểu K Nưa		1956		Stiêng	Thôn Phước Sơn
3	Triệu Văn Sầm		1962		Dao	Thôn Phước Thái

Stt	Họ tên	Tổng số	Năm sinh		Dân tộc	Nơi cư trú (thôn)
			Nam	Nữ		
4	Điều K Mốt		1951		STiêng	Thôn 3
5	Điều K Kheng		1938		Mạ	Thôn 4
	Xã Gia Viễn	3	3	0		
1	Nông Văn Hồ		1973		Tày	Thôn Cao Sinh
2	Nông Văn Chấn		1966		Tày	Thôn Thanh Tiến
3	Điều K Xiêu		1969		Mạ	Bản Brum
	Xã Đồng Nai Thượng	5	5	0		
1	K Niều		1979		Mạ	Thôn Bê Đê
2	Điều K Ân		1962		Mạ	Thôn Bù Gia Rá
3	Điều K Đài		1951		Mạ	Thôn Đa Cọ
4	Điều K Lý		1972		Mạ	Thôn Bù Sa
5	Điều K Giai		1970		Mạ	Thôn Bì Nao
	Thị trấn Đồng Nai	2	2	0		
1	Điều K Giá		1969		Mạ	Bản Buôn Go
2	Vi Văn Thế		1939		Nùng	Tổ dân phố 10
	Xã Nam Ninh	1	1	0		
1	Hà Văn Lưu		1965		Tày	Thôn Ninh Trung
XII	HUYỆN ĐAM RÔNG	52	48	4		
	Xã Đa Long	5	5	0		
1	Cil Si La		1964		Cill	Thôn 1
2	Rơ Ông Ha Krong		1953		Cill	Thôn 2
3	Kră Jăn Ha Lan		1984		Cill	Thôn 3
4	Rơ Ông Ha Krong		1930		Cill	Thôn 4
5	Cil Ha Tăm		1967		Cill	Thôn 5
	Xã Đa Tông	9	9	0		
1	Kră Jăn Ha Krang		1943		Cill	Thôn N'tôl
2	Cil Ha Mách		1931		Cill	Thôn Mêka
3	Cil Ha Ang		1965		M'nông	Thôn Liêng Trang 1
4	Liêng hót Ha Yang		1958		M'nông	Thôn Liêng Trang 2
5	Rơ Yam Ha Krang		1958		M'nông	Thôn Cil Mup
6	Liêng hót Ha Tong		1946		Cill	Thôn Đa Kao 1
7	Liêng hót Ha Chong		1930		Cill	Thôn Đa Kao 2
8	Cil Ha Măng		1958		M'nông	Thôn Đa Ninh 1
9	Kơ dơng Ha Tông		1954		Cill	Thôn Đa Ninh 2
	Xã Đa M'Rông	6	6	0		

Stt	Họ tên	Tổng số	Năm sinh		Dân tộc	Nơi cư trú (thôn)
			Nam	Nữ		
1	Srố Ha Chong		1950		M'Nông	Thôn Đa Lía
2	Ndu Ha Tro		1949		M'Nông	Thôn Đa Xê
3	Kon Yông Ha Bông		1946		M'Nông	Liêng Krăk I
4	Đa Cát Ha Dương		1961		M'Nông	Liêng Krăk II
5	Đa Cát Ha Bang		1965		M'Nông	Thôn Tu La
6	Kră Jăn Ha Xuyên		1950		Cill	Thôn Đa Tế
	Xã Rô Men	5	5	0		
1	K'Ngai		1940		M'nông	Thôn 1
2	Bon Krông Y Phoi		1940		M'nông	Thôn 2
3	K'Kéoh		1967		Coho	Thôn 3
4	Lơ Mu Ha Krang		1951		Cill	Thôn 4
5	Giàng Seo Long		1961		H'Mông	Thôn 5
	Xã Liêng S'rônh	6	3	3		
1	Kơ Să Ha Yong		1971		Cill	Thôn 1
2	Ndu Ha Siêng		1948		Mạ	Thôn 2
3	Cil Ha K'Rông		1948		Cill	Thôn 3
4	Kơ Să K'Bài			1963	Cill	Thôn 4
5	Pang Tinh Măng			1963	Mạ	Thôn 5
6	Pang Sim K'Glàng			1970	Mạ	Thôn 6
	Xã Đa R'sal	6	6	0		
1	Nguyễn Đình Đãi		1969		Kinh	Thôn Tân Tiến
2	Mai Văn Nông		1972		Kinh	Thôn Phi Có
3	Võ Xuân Lộc		1968		Kinh	Thôn Liên Hương
4	Nguyễn Văn Xuân		1959		Kinh	Thôn Đắc Măng
5	Nôm Y Biêng		1942		M'nông	Thôn Pang Pê Dong
6	Cil Y Tiên		1955		Cill	Thôn Phi Zút
	Xã Phi Liêng	8	7	1		
1	K'Bàng		1955		Coho	Thôn Boblé
2	K' Bông		1961		Mạ	Thôn Liêng Dong
3	Nông Thị Keo			1959	Nùng	Thôn Thanh Bình
4	K'Srai		1953		Mạ	Thôn Păng Sim
5	K'Krênh		1966		Mạ	Thôn Bobla
6	Trần Văn Châu		1932		Kinh	Thôn Trung Tâm
7	Nguyễn Đức Hưng		1972		Kinh	Thôn Đồng Tâm
8	Mùa Pua Sứ		1957		Mông	Đong Glê

Stt	Họ tên	Tổng số	Năm sinh		Dân tộc	Nơi cư trú (thôn)
			Nam	Nữ		
	Xã Đạ K'Nàng	7	7	0		
1	K'Bràng		1955		Cơho	Thôn Bắg Pá
2	K' Chiêng		1952		Cơho	Thôn Bắg Dung
3	Nguyễn Tiến Lực		1958		Kinh	Thôn Trung Tâm
4	Kon Sơ Ha Húy		1967		Cơho	Thôn Lăng Tô
5	K'Mộc		1966		Cill	Thôn Bul
6	Lê Xuân Tuấn		1969		Kinh	Thôn Đạ Mul
7	Kon Sơ Ha Tuy		1974		Cill	Thôn Đạ K'Nàng
TỔNG CỘNG		480	450	30		